TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN THẨM PHÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 01/2025/KDTM-GĐT
Ngày: 01/12/2025
Vụ án: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 11/13 thành viên tham gia xét xử do ông Quách Hữu Thái – Phó Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh – Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Nguyên Kim – Thẩm tra viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm do có Quyết định kháng nghị số 02/2025/KN-DS ngày 18/9/2025 đối với Bản án sơ thẩm số 5049/2024/KDTM-ST ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2) Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa:

Nguyên đơn:

Công ty Cổ phần B.

Trụ sở: Lô F KCN N, tỉnh lộ 832, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn:

Công ty Cổ phần B.

Trụ sở: Tòa nhà L, đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

NHẬN THẤY:

Ngày 20/02/2017, Công ty CP B (gọi tắt là Công ty B) và Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B (gọi tắt là Chi nhánh B) có ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-BT IBS-2017 (gọi tắt là Hợp đồng) về việc cung cấp và thi công ép

cọc BTLT D400, D600 cho dự án Khu dân cư V, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng tạm tính là 14.242.650.400 đồng. Khối lượng thanh quyết toán là khối lượng thực tế thi công được hai bên xác nhận tại công trình. Thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện các đợt giao hàng và xuất các hóa đơn tương ứng như sau: Số hóa đơn 0001718; Ngày xuất hóa đơn 30/3/2017, số tiền 5.328.643.100 đồng; Số hóa đơn 0001994, ngày 04/07/2017, số tiền 5.229.194.300 đồng; Số hóa đơn 0000896, ngày 29/04/2018, số tiền 3.603.943.900 đồng. Tổng cộng của 03 hóa đơn là 14.161.781.300 đồng. Ngày 31/12/2020, Công ty B và Chi nhánh B 13 có ký Biên bản đối chiếu công nợ, Chi nhánh B còn phải trả cho Công ty B số tiền là 8.424.367.460 đồng. Cụ thể như sau:

- Phát sinh mua hàng xuất hóa đơn 14.161.781.300 đồng.

- Phát sinh thanh toán 5.737.413.840 đồng.

- Dư nợ cuối kỳ là 8.424.367.460 đồng.

Ngày 18/01/2021, đại diện Công ty B và Chi nhánh B đã họp và thống nhất số tiền Chi nhánh B còn phải trả Công ty B là 3.957.988.142 đồng. Do Chi nhánh B không thực hiện việc thanh toán công nợ nên Công ty B khởi kiện Chi nhánh phía Nam- Công ty cổ phần B (theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021), yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Công ty CP B cùng chịu trách nhiệm trả lại Công ty CP B số tiền 5.739.082.806 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 3.957.988.142 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 28/10/2024 với mức lãi suất 1%/tháng là 1.781.094.664 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bị đơn là Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B; trụ sở: Lầu 2, số C đường B, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có ông Trần Văn T là đại diện chi nhánh có lời khai với nội dung như sau:

Công ty CP B và Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B có mua bán hàng hóa với nhau. Ngày 18/01/2021, Công ty CP B và Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B đã họp và thống nhất số tiền Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B còn phải trả Công ty CB phải trả Công ty CP B là 3.957.988.142 đồng và Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B cam kết sẽ trả ngay số tiền trên sau buổi họp. Tuy nhiên Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B gặp khó khăn về tài chính nên không thực hiện được cam kết. Nay Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B đề nghị Công ty CP B giảm trừ thêm cho Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B số tiền 859.052.054 đồng. Số tiền còn lại Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B sẽ tìm nguồn vốn, khi có sẽ thanh toán ngay cho Công ty CP B.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty CP B; trụ sở: Tòa nhà LICOGI A, đường K, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T1. Công ty CP B vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và không có văn

bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 5049/2024/KDTM-ST ngày 28/10/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

"- Chấp nhận yêu cầu của Công ty CP B về yêu cầu Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B, Công ty CP B cùng có trách nhiệm trả tiền mua hàng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

- Buộc Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP B, Công ty CP B cùng có trách nhiệm trả cho Công ty CP B số tiên 5.750.956.748 đồng, trong đó nợ tiền mua hàng là 3.957.988.142 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 1.792.968.606 đồng. Trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật."

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền kháng cáo, thi hành án.

Ngày 04/7/2025, Công ty CP B đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 5049/2024/KDTM-ST ngày 28/10/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 02/2025/KN-DS ngày 18/9/2025, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nêu trên; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Xác định tư cách tố tụng: Theo Hợp đồng kinh tế do Công ty cổ phần B- SB và Công ty cổ phần B ký kết ngày 20/02/2017 (BL34-42) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Chi nhánh phía Nam – Công ty cổ phần B mã số 0100106426 đăng ký lần đầu ngày 05/6/2014, đăng ký lần 2 ngày 17/8/2017 (BL59) thì Chi nhánh phía Nam – Công ty cổ phần B hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp: Công ty cổ phần B. Do đó, Bị đơn: Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B không có tư cách pháp nhân là đơn vị phụ thuộc của Công ty CP B theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015: "Chi nhánh văn phòng đại diện là đơn vị phục thuộc của pháp nhân, không phải pháp nhân". Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh phía Nam – Công ty CP B là Bị đơn và xác định Công ty CP B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trọng vụ án này cần xác định Công ty CP B là bị đơn.

1.2. Về thủ tục tống đạt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo đưa Công ty CP B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Bút lục 15) và tiến hành xác minh thu thập Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty CP B (Bút lục 95), tại Giấy chứng nhận đăng ký này đã thê hiện Công ty CP B có địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà L, đường K, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội và có người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn T1 có địa chỉ tại số B ngõ I V, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Bản án sơ thẩm cho Công ty CP B cho Công ty CP B theo quy định tại Điều 178, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (không gửi thư bưu điện, không yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội hỗ trợ tiến hành tống đạt mà chỉ tiến hành đăng báo) mà thực hiện việc đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là chưa thực hiện đúng quy định về thực hiện cấp tống đạt cho đương sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty CP B.

1.3. Biên bản nghị án ngày 28/10/2024 và Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 28/10/2024 đều không ghi thời gian nghị án và thời gian bắt đầu, kết thúc của phiên tòa sơ thẩm là không phù hợp với quy định về biểu mẫu trong tố tụng dân sự

2. Về đánh giá chứng cứ:

Tại Bản án sơ thẩm số 5049/2024/KDTM-ST ngày 28/10/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B có bản tự khai ngày 17/5/2021 (Bút lục 85) và bản tự khai ngày 07/6/2024 (Bút lục 88). Qua xem xét, hai bản tự khai trên do ông Trần Văn T trình bày lời khai, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ với tư cách cá nhân, nguyên là người đại diện của Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B mà không phải là người đại diện hợp pháp của Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B. Hơn nữa, tại hai bản tự khai và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (Bút lục 63) đều thể hiện nội dung Công ty CP B đã có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần Văn T, ông T không còn là người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh phía Nam Công ty CP B từ ngày 28/3/2018. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trần Văn T là đại diện Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B, và xác định các lời trình bày của ông T tại bản tự khai ngày 17/5/2021 và bản tự khai ngày 07/6/2024 với tư cách là đại diện cho Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B là không phù hợp quy định về người đại diện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, các lời khai của ông Trần Văn T về việc xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn không phải là căn cứ để xác định việc Chi nhánh phía Nam - Công ty CP B và Công ty B còn nợ số tiền của nguyên đơn như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho Công ty

Cổ phần B không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 326 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Như vậy, Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án sơ thẩm nêu trên là có căn cứ. Hội đồng Giám đốc thẩm chấp nhận Kháng nghị, hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 337; khoản 1, 3 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/2025/KN-DS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án sơ thẩm số 5049/2024/KDTM-ST ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- Chánh án *(để báo cáo);*
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND KV2 *(kèm hồ sơ vụ án);*
- P. THADS KV2;
- Các đương sự;
- Lưu VP, P. GĐKT, TTM (Kim).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Hữu Thái